UBND QUẬN THỦ ĐỨC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG THCS TAM BÌNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**TỔ NGỮ VĂN**

**ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG TỰ HỌC KIẾN THỨC MỚI**

**KHỐI LỚP 8 ( TỪ TUẦN 3 – TUẦN 5)**

|  |
| --- |
| **NỘI DUNG BÀI HỌC**  **( HS BẮT BUỘC PHẢI CHÉP BÀI VÀO VỞ)** |
| **TIẾT 81: THUYẾT MINH VỀ MỘT PHƯƠNG PHÁP (CÁCH LÀM)**  **I. GIỚI THIỆU MỘT PHƯƠNG PHÁP (CÁCH LÀM)**  **1. Ví dụ:**  **2. Nhận xét:**  - Bài TM gồm 3 phần:  + Nguyên liệu - Thêm phần định lượng (số bát, người ăn)  + Cách làm : Quan trọng nhất  (Đặc biệt chú ý trình tự, trước sau, thời gian của mỗi bước)  + Yêu cầu thành phẩm (sản phẩm đã hoàn thành): Chú ý 3 mặt: trạng thái, màu sắc, mùi vị  - Ngôn ngữ: cả 2 ví dụ trên lời văn gọn, súc tích, dễ hiểu  **3.Kết luận:**(SGK/T26)  **II. LUYỆN TẬP**  **Bài tập 1:** Lập dàn ý thuyết minh cách chơi một trò chơi em yêu thích theo gợi ý dưới đây:  - Mở bài: Giới thiệu khái quát trò chơi  - Thân bài:  + Số người chơi, dụng cụ chơi  + Cách chơi (luật chơi): Thắng-Thua-Phạm luật  + Yêu cầu đối với trò chơi  - Kết bài: Cảm nhận của em về trò chơi  **Bài tập 2** (HS tự làm)  Phương pháp đọc nhanh |
| **TIẾT 82: TỨC CẢNH PÁC BÓ – HỒ CHÍ MINH**  **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả: ( SGK/T28)**  **2. Tác phẩm:**  - Bài thơ viết vào tháng 2-1941 tại hang Pác Bó.  **3. Đọc và tìm hiểu chú thích**:  ***a. Đọc***:  ***b. Chú thích***:  *\* Nhan đề:*  *\* Thể thơ:* Thất ngôn tứ tuyệt  **4. Bố cục:** 2 phần  - 3 câu đầu: Tả cảnh sinh hoạt của Bác ở Pác Bó  - câu kết: Cảm xúc và suy nghĩ của tác giả.  **II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN:**  **1. Ba câu thơ đầu:**  + Câu 1:  \* Dùng phép đối: *Sáng ra bờ suối/ tối vào hang*  thời gian: Sáng - tối  hoạt động: Ra - vào  không gian: Suối - hang  -> Sinh hoạt nề nếp, đều đặn, nhịp nhàng luôn làm chủ hoàn cảnh.  + Câu 2:  - *“Cháo bẹ, rau măng”:* thức ăn là thứ sẵn có trong tự nhiên  -> cuộc sống đơn sơ, đạm bạc, thiếu thốn.  - *“sẵn sàng”* : Việc ăn sẵn sàng (ý trên)  Tư tưởng luôn sẵn sàng  - Giọng thơ hài hước, dí dỏm, tươi vui  -> say mê cuộc sống cách mạng và hoà hợp với thiên nhiên  + Câu 3:  - Đối ý: *bàn đá chông chênh - dịch sử Đảng*  - Đối thanh  => Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, người cách mạng vẫn có thể hoà hợp với thiên nhiên, thích nghi với hoàn cảnh  **2. Câu thơ kết:**  - Từ *“sang”* – thi nhãn của bài thơ  - Lối nói khoa trương  -> Cuộc đời cách mạng tuy thiếu thốn nhưng Người vẫn luôn thấy vui, lạc quan, yêu đời  **III. TỔNG KẾT**  **1. Nội dung**:  - Cảnh sinh hoạt, làm việc đơn sơ nhưng mang nhiều ý nghĩa  - Niềm vui cách mạng, niềm vui được sống hoà hợp với thiên nhiên của Bác  **2. Nghệ thuật:**  - Lời thơ thuần Việt, giản dị, dễ hiểu  - Giọng thơ tự nhiên, nhẹ nhàng  - Cách dùng từ ngữ đặc sắc, gợi cảm |
| **TIẾT 83: CÂU CẦU KHIẾN**  **I.ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨCVÀ CHỨC NĂNG**  **1.Ví dụ 1( SGK/30)**  \* Nhận xét : các câu cầu khiến  a, Thôi **đừng** lo lắng => khuyên bảo  Cứ về **đi** => yêu cầu  b. Đi **thôi** con => yêu cầu  **2.Ví dụ 2( SGK/30,31)**  - Nhận xét:  a. Mở cửa -> trả lời câu hỏi  b. Mở cửa-> Đề nghị, ra lệnh (ngữ điệu cầu khiến)  **3.Kết luận**  **- Hình thức:**  + Từ cầu khiến: hãy, đừng, chớ, đi, thôi,...  +Ngữ điệu cầu khiến  + Dấu câu: chấm than, dấu chấm( cuối câu)  **- Chức năng:**  Dùng để : ra lệnh, yêu cầu, khuyên bảo..  **GHI NHỚ SGK/31**  **II. LUYỆN TẬP**  **( Học sinh làm các bài tập SGK/T 31,32,33 vào vở cô sẽ kiểm tra vở và lấy điểm)** |
| **TIẾT 84: THUYẾT MINH VỀ MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH**  **I. GIỚI THIỆU MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH**  **1. Đọc văn bản**:  Hồ Hoàn Kiếm và Đền Ngọc Sơn (SGK/33,34)  **2. Nhận xét:**  - Bài viết về hai đối tượng gần nhau: Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn  - Bố cục: 2 phần  + Thân bài: Từ đầu...Hà Nội  + Kết bài: Còn lại  - Bài viết còn thiếu phần mở bài.  - Thứ tự trình bày: Đi từ hồ đến đền, giới thiệu riêng lẻ từng di tích một.  - Phương pháp TM: Nêu định nghĩa, giải thích  **3.Kết luận:**(SGK/T34)  **II. LUYỆN TẬP**  **BT1.** Bố cục: Hồ Hoàn Kếm và đền Ngọc Sơn  - Mở bài: Giới thiệu khái quát về hồ và đền  - Thân bài:  + Giới thiệu xuất xứ của hồ, tên hồ, độ rộng, hẹp, vị trí của tháp Rùa, đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc  + Quang cảnh xung quanh, cây cối, màu nước..  - Kết bài:  +Vị trí của hồ và đền trong lòng người dân Hà Nội  + Tình cảm của người Hà Nội đối với hai danh lam thắng cảnh này.  **BT2.** Sắp xếp: Từ xa -> gần:  + Vị trí của hồ và đền  + Hồ gồm những bộ phận nào? Đền gồm bộ phận nào?  + Vị trí của thắng cảnh trong đời sống, tình cảm con người.  **BT3**. Chọn các chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật giá trị lịch sử và văn hóa của di tích thắng cảnh  - Lịch sử của hồ Gươm, đền Ngọc Sơn  - Diện tích, sinh vật, thực vật  - Vai trò của hồ đối với môi trường, sinh thái, du lịch  **BT4.** Nhận xét của nhà thơ nước ngoài  “Hồ Gươm là chiếc lẵng hoa xinh đẹp giữa lòng Hà Nội”  - Ta có thể sử dụng câu đó vào phần mở bài hoặc kết bài đều được. |
| **TIẾT 85: NGẮM TRĂNG, ĐI ĐƯỜNG – HỒ CHÍ MINH**  **A. Bài thơ NGẮM TRĂNG**  **I. TÌM HIỂU CHUNG:**  **1. Tác giả*:***  **2. Tác phẩm:**  - Bài Ngắm trăng được viết vào tháng 9/1942 tại nhà giam Quảng Tây Trung Quốc  **3.Đọc và tìm hiểu chú thích**  ***a. Đọc***  ***b.Tìm hiểu chú thích:***  *Thể loại:*  - Thơ thất ngôn tứ tuyệt đường luật  **4. Bố cục**: khai - thừa - chuyển - hợp  **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**  **1. Hai câu thơ đầu:**  - Hoàn cảnh ngắm trăng của Bác  + Trong cảnh tù ngục  + Không rượu cũng không hoa  - NT: điệp từ -> khó khăn, thiếu thốn.  - Tâm trạng của Bác :  *Nại nhược hà:* Bối rối, đầy tâm sự -> khao khát được thưởng thức trăng một cách trọn vẹn  => Bác là một người tù cách mạng và cũng là một con người yêu thiên nhiên một cách say mê hồn nhiên và có tâm hồn rung động mãnh liệt trước cảnh trăng đẹp.  **2. Hai câu thơ cuối:**  - Đối:  + *Nhân hứng - nguyệt tòng*  + *Khán minh nguyệt - khán tri gia*  -> Làm nổi bật tình cảm song phương, mãnh liệt của cả người và trăng.  - NT: Nhân hóa -> trăng như 1 người bạn tri âm, tri kỷ với Bác.  -> Sự đối lập giữa nhà tù đen tối và thế giới của cái đẹp, là bầu trời tự do.  **III. TỔNG KẾT**  **1. Nội dung:**  - Tình yêu thiên nhiên đặc biệt sâu sắc mạnh mẽ của Bác  - Sức mạnh tinh thần to lớn của người chiến sĩ vĩ đại đó  - Đằng sau những câu thơ là một tinh thần thép: Tư tưởng tự do, phong thái ung dung, vượt hẳn lên sự nặng nề, tàn bạo của ngục tù)  **2. Nghệ thuật:**  - Thể thơ tứ tuyệt hàm súc.  - NT: đối, từ ngữ chọn lọc  **B. Bài thơ : ĐI ĐƯỜNG**  **(Bài thơ Học sinh tham khảo nội dung tự học đợt trước)** |
| **TIẾT 86: ÔN TẬP VỀ VĂN BẢN THUYẾT MINH**  **(Học sinh xem lại lí thuyết văn thuyết minh, các bước làm bài văn thuyết minh nội dung đã học từ đợt trước)** |
| **TIẾT 87,88: VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1**  - HS xem lại 2 đề sau, để chuẩn bị cho bài viết TLV số 1 sắp tới:  (1) Thuyết minh về chiếc áo dài Việt Nam.  (2) Thuyết minh về một giống vật nuôi. |
| **TIẾT 89: CÂU CẢM THÁN**  **I. ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨCVÀ CHỨC NĂNG**  **1.Ví dụ**: ( Sgk/T43)  **2. Nhận xét:**  - Câu cảm thán :  + Hỡi ơi Lão Hạc !  + Than ôi !  - Từ ngữ cảm thán : Hỡi ơi, than ôi  **3. Kết luận:**Sgk/T44  - Hình thức: có những từ cảm thán ôi, than ôi, chao ôi, biết bao, biết chừng nào…  + Kết thúc bằng dấu chấm than.  - Chức năng: bộc lộ trực tiếp cảm cúc của người nói (người viết)  **II. LUYỆN TẬP**  **( Học sinh làm các bài tập SGK/T 44,45 vào vở, cô sẽ kiểm tra vở và lấy điểm)** |
| **TIẾT 90: CÂU TRẦN THUẬT**  **I. ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨCVÀ CHỨC NĂNG**  **1.Ví dụ ( SGK/T45)**  **2. Nhận xét:**  - Ôi Tào Khê!: câu cảm thán còn tất cả những câu khác là câu trần thuật  + Câu a: Trình bày suy nghĩ của người viết về truyền thống của dân tộc (1, 2) và yêu cầu chúng ta ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc (câu 3)  + Câu b: (câu 1): kể  (câu 2): thông báo  + Câu c: Miêu tả hình thức của một người đàn ông (ông Cai)  + Câu d: (câu 1) không phải là câu trần thuật  (câu 2): nhận định  (câu 3): bộc lộ tình cảm, cảm xúc.  - Kiểu câu trần thuật được dùng nhiều nhất.  **3. Kết luận**: Sgk /T46  **II. LUYỆN TẬP**  **( Học sinh làm các bài tập SGK/T 46,47 vào vở, cô sẽ kiểm tra vở và lấy điểm)** |
| **TIẾT 92: CÂU PHỦ ĐỊNH**  **I.ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨCVÀ CHỨC NĂNG**  **1. Ví dụ 1**: (Sgk/T52)  **2. Nhận xét:**  - Các câu b, c, d có khác với câu a ở từ “không, chưa, chẳng”  -> Câu phủ định  - Câu b,c ,d: phủ định sự việc đó tức là việc *Nam đi Huế* là không diễn ra  - Không phải, nó chần chẫn như cái đòn càn.  - Đâu có!  -> Phủ định, phản bác lại ý kiến của người khác.  **3. Kết luận**: Sgk /T53  **II. LUYỆN TẬP**  **( Học sinh làm các bài tập SGK/T 53,54 vào vở, cô sẽ kiểm tra vở và lấy điểm)**  **----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------**  **TIẾT 91: CHIẾU DỜI ĐÔ – LÍ CÔNG UẨN**  **I. TÌM HIỂU CHUNG:**  **1. Tác giả: (SGK/T50)**  **2.Tác phẩm:**  “Chiếu dời đô” của Lí Công Uẩn bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La.  **3. Đọc và tìm hiểu chú thích:**  ***a. Đọc:***  ***b. Chú thích***:  - Thể loại: *Chiếu*  - Phương thức biểu đạt: *Nghị luận*  **4. Bố cục**: 2 phần  - Từ đầu... dời đổi -> Lí do cần phải dời đô  - Còn lại ->Thành Đại La xứng đáng là kinh đô bậc nhất  **II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN:**  **1. Lí do cần phải dời đô:**  *\* Dẫn lịch sử của Trung Quốc:*  - Nhà Thương năm lần dời đô, nhà Chu ba lần dời đô.  -> Theo ý trời, thuận lòng dân nên đất nước thịnh vượng  *\* Dẫn lịch sử nước ta:*  - Nhà Đinh, Lê không chịu dời đô  -> Khinh thường mệnh trời khiến triều đại không lâu bền  - NT: So sánh đối chiếu, dẫn chứng toàn diện, lập luận thấu tình đạt lý.  -> LCU bày tỏ nỗi lòng của mình rất chân thành, xúc động.  => Việc dời đô vừa phù hợp với đạo trời, vừa thuận lòng dân  **2. Thành Đại La xứng đáng là kinh đô bậc nhất**  - Việc không rời đô sẽ:  + Không theo mệnh trời  + Không biết học theo cái đúng của người xưa  - Khẳng định thành Đại La là kinh đô vì có nhiều ưu thế:  + Về lịch sử: Là nơi Cao Vương từng đóng đô  + Về địa lí: trọng tâm của đất trời  + Về phong thuỷ: Thế rồng cuộn hổ ngồi  + Về sự giàu có: Muôn vật phong phú, tốt tươi  + Về chính trị : Là nơi hội tụ trọng yếu của đất nước  => Hội tụ đủ mọi mặt của đất nước xứng đáng là trung tâm văn hoá, kinh tế, chính trị.  - NT: Lối văn biền ngẫu-> Tăng sức thuyết phục.  \* Lời tuyên bố của Vương tử:  - Hỏi ý kiến quần thần  -> Mang tính dân chủ, cởi mở.  **III. TỔNG KẾT**  **1. Nội dung**:  - “Chiếu dời đô”phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất. Đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt trên đà lớn mạnh.  **2. Nghệ thuật**:  - Lí lẽ, lập luận chặt chẽ  - Kết hợp giữa lí và tình  - Kết thúc mang tính chất đối thoại, trao đổi |

**LỜI DẶN:** **Các em chép bài và làm bài tập đầy đủ vào trong vở sẽ được 1 cột điểm HỆ SỐ 1.**

**Bài làm văn sẽ lấy HỆ SỐ 2**

Giáo viên thực hiện

**Trần Thị My**